TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **103**/2023/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 17 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Nguyễn Văn L,** sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn C, Phú Hi, Phú V, Thừa Thiên Hvà bà **Nguyễn Thị Nguyên Th,** sinh năm: 1982. Địa chỉ: Lô 6 Khu B2-152, KĐT Ven Sông H, phường. H, quận Ng,thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Nguyên Th kết hôn vào năm 2009 hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thủy Xuân, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do quan điểm sống không hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi với nhau, mâu thuẫn như vậy kéo dài tới nay không thay đổi. Nay ông L và bà Thxác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông L và bà Thxác định có 01 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày: 31/10/2011. Ly hôn ông L và bà Th thỏa thuận: giao con Nguyễn

Anh Q cho bà Nguyễn Thị Nguyên Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lcấp dưỡng nuôi con 8.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2023 đến khi con Nguyễn Anh Q đủ 18 tuổi.

Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông L và bà Th mỗi người chịu ½ là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0001605 ngày 17/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Nguyên Th thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 20/11/2009 của Uỷ ban nhân dân phường Thủy Xuân, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế không còn giá trị).

- Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Anh Q, sinh ngày: 31/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Nguyên Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con 8.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2023 cho đến khi con Nguyễn Anh Quân đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông L và bà Th mỗi người chịu ½ là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0001605 ngày 17/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Thủy Xuân, TP Huế.
(theo Giấy CNKH số 81, ngày 20/11/2009).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đã ký

Lương Thị Anh